

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /2026/VBHN-QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.¹

¹ Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 67/2014/QH13, Luật số 71/2025/QH15 và Luật số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục nhập khẩu và hoạt động giám định đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc Chương 84 và Chương 85 quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, được nhập khẩu nhằm sử dụng cho hoạt động sản xuất tại Việt Nam mà không thuộc các danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định, các bộ, cơ quan ngang bộ công bố chi tiết theo quy định của Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

2. Quyết định này không áp dụng đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Quá cảnh; trung chuyển hàng hóa;
- b) Kinh doanh chuyển khẩu;
- c) Kinh doanh tạm nhập, tái xuất;
- d) Các hình thức tạm nhập, tái xuất khác quy định tại Điều 15 và tạm xuất, tái nhập quy định tại Điều 17 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương (trừ trường hợp tạm nhập, tái xuất thực hiện các hợp đồng gia công; trường hợp nhập khẩu để sản xuất, thi công thực hiện các dự án đầu tư);

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 182/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.”

đ) Thực hiện hợp đồng dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng với thương nhân nước ngoài;

e) Mua bán giữa các doanh nghiệp trong khu chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan; doanh nghiệp trong khu chế xuất bán tài sản thanh lý vào nội địa;

g) Nhận chuyển giao từ đối tác nước ngoài sau khi hết hạn hợp đồng gia công, hợp đồng thuê mua tài chính; thay đổi mục đích sử dụng chuyển tiêu thụ nội địa sau khi hết hạn tạm nhập để thi công công trình hoặc tạm nhập theo hình thức thuê, mượn để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài; chuyển giao giữa các doanh nghiệp thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài;

h) Phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mà trong nước chưa sản xuất được; phục vụ nhiệm vụ an ninh, quốc phòng theo yêu cầu của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

i) Máy móc, thiết bị thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) do các bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

k) Máy móc, thiết bị thuộc lĩnh vực chuyên ngành mà các bộ, cơ quan ngang bộ đã có văn bản quy phạm pháp luật để quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, doanh nghiệp (sau đây viết chung là doanh nghiệp) nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

2. Tổ chức giám định thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Quyết định này.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Máy móc, thiết bị là một kết cấu hoàn chỉnh, gồm các chi tiết, cụm chi tiết, bộ phận có liên kết với nhau để vận hành, chuyển động theo mục đích sử dụng được thiết kế.

2. Dây chuyền công nghệ là hệ thống các máy móc, thiết bị, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt, kết nối liên hoàn tại một địa điểm nhất định theo sơ đồ, quy trình công nghệ đã thiết kế, bảo đảm vận hành đồng bộ để sản xuất.

3. Máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng là máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sau khi xuất xưởng đã được lắp ráp và vận hành hoạt động.

4. Tuổi thiết bị là thời gian (tính theo năm) được xác định từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu của máy móc, thiết bị đã qua sử dụng. Năm nhập khẩu là năm hàng hóa về đến cửa khẩu Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

1. Việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng phải tuân thủ quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa.

2. Không cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Các nước xuất khẩu đã công bố loại bỏ do lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường;

b) Không đáp ứng các yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tại Việt Nam.

Chương II

TIÊU CHÍ NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

Điều 5. Tiêu chí nhập khẩu đối với dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

Dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng được phép nhập khẩu khi đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Được sản xuất theo tiêu chuẩn:

a) Phù hợp với quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;

b) Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) liên quan đến dây chuyền công nghệ nhập khẩu, thì dây chuyền công nghệ phải được sản xuất theo tiêu chuẩn phù hợp với chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

2. Công suất (tính theo số lượng sản phẩm được tạo ra bởi dây chuyền công nghệ trong một đơn vị thời gian) hoặc hiệu suất còn lại phải đạt từ 85% trở lên so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế.

3. Mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng không vượt quá 15% so với thiết kế.

4. Công nghệ của dây chuyền công nghệ không thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

5. Công nghệ của dây chuyền công nghệ phải đang được sử dụng tại ít nhất 03 cơ sở sản xuất trong các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD).

Điều 6. Tiêu chí nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị đã qua sử dụng

Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng được phép nhập khẩu khi đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Tuổi thiết bị không vượt quá 10 năm. Đối với máy móc, thiết bị thuộc một số lĩnh vực cụ thể, tuổi thiết bị được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Được sản xuất theo tiêu chuẩn:

a) Phù hợp với quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;

b) Trường hợp không có QCVN liên quan đến máy móc, thiết bị nhập khẩu, thì máy móc, thiết bị nhập khẩu phải được sản xuất phù hợp với chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

Điều 7. Hồ sơ, trình tự thủ tục nhập khẩu dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

1. Hồ sơ nhập khẩu:

Ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp phải bổ sung tài liệu sau:

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của doanh nghiệp. Trường hợp nhập khẩu theo ủy thác thì phải có văn bản ủy thác nhập khẩu;

b) Chứng thư giám định được cấp bởi một tổ chức giám định được chỉ định đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11 Quyết định này. Nội dung chứng thư giám định thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Quyết định này.

2. Trình tự, thủ tục nhập khẩu:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ nhập khẩu và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này về Cơ quan hải quan, nơi đăng ký tờ khai hải quan;

b) Cơ quan hải quan chỉ làm thủ tục thông quan theo quy định khi hồ sơ nhập khẩu và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này đầy đủ, hợp lệ và chứng thư giám định ghi kết luận dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng đáp ứng yêu cầu tại Điều 5 Quyết định này.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng

1. Hồ sơ nhập khẩu:

Ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp phải bổ sung tài liệu sau:

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của doanh nghiệp. Trường hợp nhập khẩu theo ủy thác thì phải có văn bản ủy thác nhập khẩu;

b) Bản chính giấy xác nhận của nhà sản xuất máy móc, thiết bị về năm sản xuất và tiêu chuẩn của máy móc, thiết bị đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 6 Quyết định này trong trường hợp máy móc, thiết bị được sản xuất tại quốc gia thuộc các nước G7, Hàn Quốc. Giấy xác nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự và kèm bản dịch sang tiếng Việt;

c) Chứng thư giám định được cấp bởi một tổ chức giám định được chỉ định đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 11 Quyết định này trong trường hợp máy móc, thiết bị được sản xuất tại quốc gia thuộc các nước G7, Hàn Quốc nhưng không có Giấy xác nhận của nhà sản xuất hoặc máy móc, thiết bị được sản xuất tại quốc gia không thuộc các nước G7, Hàn Quốc. Nội dung chứng thư giám định thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều 10 Quyết định này.

2. Trình tự, thủ tục nhập khẩu:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ nhập khẩu và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này về Cơ quan hải quan, nơi đăng ký tờ khai hải quan;

b) Cơ quan hải quan chỉ làm thủ tục thông quan theo quy định khi hồ sơ nhập khẩu và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp phải có chứng thư giám định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì trong chứng thư giám định phải có kết luận máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 6 Quyết định này.

3. Đưa hàng về bảo quản:

a) Trường hợp nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng mà tại thời điểm nộp hồ sơ nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều này doanh nghiệp không có giấy xác nhận của nhà sản xuất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và chưa cung cấp được chứng thư giám định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, doanh nghiệp được đưa hàng hóa về bảo quản theo quy định của pháp luật hải quan sau khi nộp Cơ quan hải quan văn bản đăng ký dịch vụ giám định máy móc, thiết bị có xác nhận của một tổ chức giám định được chỉ định theo quy định tại Quyết định này;

b) Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đưa máy móc, thiết bị về bảo quản, doanh nghiệp phải nộp Cơ quan hải quan chứng thư giám định. Cơ quan hải quan chỉ làm thủ tục thông quan theo quy định khi hồ sơ nhập khẩu và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này đầy đủ, hợp lệ và chứng thư giám định ghi kết luận máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 6 Quyết định này.

Trường hợp kết quả giám định máy móc, thiết bị không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 6 Quyết định này, doanh nghiệp bị xử lý theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Điều 9. Nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong trường hợp khác

1. Trong trường hợp doanh nghiệp đang tiến hành sản xuất tại Việt Nam, để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất, có nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng có tuổi thiết bị vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này nhưng công suất (tính theo số lượng sản phẩm được tạo ra bởi máy móc, thiết bị trong một đơn vị thời gian) hoặc hiệu suất còn lại của máy móc, thiết bị vẫn đạt từ 85% trở lên so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế và mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng của máy móc, thiết bị không vượt quá 15% so với thiết kế, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép nhập khẩu, trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến về Bộ Khoa học và Công nghệ để được xem xét, giải quyết.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này, theo đó giải trình về sự cần thiết phải nhập khẩu máy móc, thiết bị để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, phương án sử dụng và sự cần thiết của máy móc, thiết bị dự kiến nhập khẩu trong dây chuyền công nghệ;

b)² Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đóng dấu của doanh nghiệp;

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính;

c) Chứng thư giám định được cấp bởi tổ chức giám định được chỉ định theo quy định tại Điều 11 Quyết định này. Nội dung chứng thư giám định thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, g khoản 1 Điều 10 Quyết định này;

3. Trình tự, thủ tục xem xét hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ theo quy định, thực hiện như sau:

²Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

- Trả lại ngay hồ sơ cho doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung trong trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến đề nghị doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu điện, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản đề nghị doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ gửi văn bản kèm theo bản chụp hồ sơ đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan có ý kiến. Trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến chuyên gia về máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đề nghị được nhập khẩu;

c) ³Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, chuyên gia có ý kiến về việc nhập khẩu máy móc, thiết bị trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành và cho ý kiến về đề xuất được nhập khẩu máy móc, thiết bị của doanh nghiệp;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, chuyên gia, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ lý do nếu không chấp thuận đề nghị nhập khẩu máy móc, thiết bị.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục nhập khẩu:

a) Hồ sơ nhập khẩu

Ngoài hồ sơ nhập khẩu theo quy định của Luật Hải quan, doanh nghiệp phải nộp văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận việc nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trình tự, thủ tục nhập khẩu

Doanh nghiệp nộp hồ sơ nhập khẩu và tài liệu quy định tại điểm a khoản này về Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan để thực hiện thủ tục thông quan theo quy định.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

Điều 10. Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

1. Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng quy định tại Quyết định này phải thể hiện các nội dung sau:

a) Tên, năm sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, kiểu loại (model), nước sản xuất và tên nhà sản xuất của máy móc, thiết bị đã qua sử dụng;

b) Thời gian, địa điểm giám định;

c) Tình trạng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ khi giám định (đang hoạt động hoặc không hoạt động);

d) Phương pháp giám định, quy trình giám định; số hiệu và tên gọi của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường (nếu có) được sử dụng để đánh giá sự phù hợp của dây chuyền công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 hoặc đánh giá sự phù hợp của máy móc, thiết bị theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này;

Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, phải ghi rõ trong chứng thư giám định.

đ) Đối với dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng: nhận xét, đánh giá kết quả giám định so với từng tiêu chí quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Quyết định này và kết luận về việc dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng đáp ứng hay không đáp ứng với quy định tại Điều 5 Quyết định này. Đối với tiêu chí quy định tại khoản 5 Điều 5, phải liệt kê tên quốc gia, tên cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ, địa chỉ liên lạc, website (nếu có), công suất;

e) Đối với máy móc, thiết bị đã qua sử dụng: nhận xét, đánh giá kết quả giám định so với từng tiêu chí quy định tại các khoản 1, 2 Điều 6 Quyết định này và kết luận về việc máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đáp ứng hay không đáp ứng với quy định tại Điều 6 Quyết định này;

g) Đối với máy móc, thiết bị trong trường hợp quy định tại Điều 9 Quyết định này, nhận xét, đánh giá về:

- Thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị;
- Tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị;
- Tình trạng bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị;
- Việc đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này;
- Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;

- Công suất (tính theo số lượng sản phẩm được tạo ra bởi máy móc, thiết bị trong một đơn vị thời gian) hoặc hiệu suất còn lại của máy móc, thiết bị so với thiết kế;

- Mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng của máy móc, thiết bị so với thiết kế;

- Thời gian sử dụng còn lại của máy móc, thiết bị;
- Hình ảnh màu của máy móc, thiết bị bao gồm: hình ảnh tổng thể bên ngoài, hình ảnh các cụm kết cấu chính của máy móc, thiết bị, hình ảnh các thông tin, nhãn mác gắn với máy móc, thiết bị thể hiện các thông số kỹ thuật.

2. Hiệu lực của chứng thư giám định được chấp nhận xem xét khi thực hiện các quy định trong Quyết định này:

a) Đối với giám định dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, không quá 18 tháng tính từ thời điểm cấp chứng thư đến thời điểm dây chuyền công nghệ về đến cửa khẩu Việt Nam;

b) Đối với giám định máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, không quá 06 tháng tính từ thời điểm cấp chứng thư đến thời điểm máy móc, thiết bị về đến cửa khẩu Việt Nam.

3. Việc giám định dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Quyết định này phải được thực hiện tại nước xuất khẩu trong trạng thái dây chuyền công nghệ đang hoạt động.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự thủ tục chỉ định tổ chức giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

1. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thực hiện việc chỉ định, thừa nhận theo thỏa thuận thừa nhận song phương hoặc đa phương các tổ chức giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, công bố công khai danh sách các tổ chức giám định đã được chỉ định, thừa nhận trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để doanh nghiệp biết, lựa chọn sử dụng.

2. Yêu cầu đối với tổ chức giám định

a) Đối với tổ chức giám định trong nước:

Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, trong đó có lĩnh vực giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ.

b) Đối với tổ chức giám định nước ngoài:

Tuân thủ quy định pháp luật nước sở tại về hoạt động giám định và đã được công nhận bởi tổ chức công nhận là thành viên ký kết tham gia thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức công nhận khu vực, quốc tế cho lĩnh vực giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ.

3. Hồ sơ đăng ký và trình tự thủ tục chỉ định

a) Hồ sơ đăng ký và trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức giám định trong nước thực hiện theo quy định tại Điều 18b, 18d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị

định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;

b) Hồ sơ đăng ký chỉ định tổ chức giám định nước ngoài bao gồm hồ sơ quy định tại điểm a, c, d, e khoản 1 Điều 18b đối với chỉ định lần đầu; điểm a, c, d, e khoản 2 Điều 18b đối với trường hợp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và bản sao văn bản cho phép hoạt động giám định của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nơi tổ chức giám định đăng ký hoạt động, kèm bản dịch tiếng Việt được hợp pháp hóa lãnh sự. Các văn bản và tài liệu trong hồ sơ phải được dịch sang tiếng Việt.

Trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức giám định nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 18d Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong hoạt động quản lý việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng quy định tại Quyết định này và các văn bản có liên quan.

2. Công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ danh mục máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng mà các nước đã công bố loại bỏ do lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường.

3. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức kiểm tra việc doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng nhập khẩu khi đi vào hoạt động và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính định kỳ hằng năm thông kê số liệu về tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng (tên doanh nghiệp nhập khẩu, địa chỉ liên lạc, lĩnh vực sử dụng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ, nước sản xuất, giá trị nhập khẩu), các trường hợp vi phạm buộc tái xuất, xử phạt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Chỉ định, thừa nhận tổ chức giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng và công bố Danh sách tổ chức giám định được chỉ định, được thừa nhận trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng của các tổ chức giám định được chỉ định, thừa nhận theo quy định pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên ngành, đề xuất tiêu chí về tuổi thiết bị đối với máy móc, thiết bị đã qua sử dụng khác thuộc lĩnh vực được phân công quản lý, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Điều 14. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng

1. Thực hiện nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức giám định được chỉ định, thừa nhận

1. Thực hiện giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan, khoa học trong hoạt động; tuân thủ quy định của pháp luật về giám định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của kết quả giám định; đồng thời chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động giám định.

3. Gửi 01 bản sao chứng thư giám định chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ký chứng thư giám định về Bộ Khoa học và Công nghệ trong các trường hợp sau đây:

- a) Giám định dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng;
- b) Giám định máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong trường hợp chứng thư giám định có nội dung ghi nhận về việc không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Quyết định này.

4. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu, lập báo cáo tình hình giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận cho phép nhập khẩu theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì doanh nghiệp được tiếp tục thực hiện nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.

2. Hồ sơ nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa có kết quả giải quyết vào thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì doanh nghiệp nhập khẩu được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN hoặc thực hiện theo quy định tại Quyết định này theo đề xuất của doanh nghiệp.

3. Đối với các dự án đầu tư có nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng đã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì doanh nghiệp được tiếp tục thực hiện nhập khẩu máy móc, thiết bị theo quy định tại Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN.

4. Kể từ ngày Quyết định được ban hành, khuyến khích các tổ chức giám định chuẩn bị hồ sơ, năng lực và đăng ký chỉ định theo quy định tại Quyết định này.

Tổ chức giám định đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử theo quy định tại Thông tư số 23/2015/TT-BKHHCN được tiếp tục thực hiện hoạt động giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định tại Quyết định này trong vòng 60 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 17. Điều khoản thi hành⁴

⁴ Điều 6, Điều 7 của Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2019.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.
4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

a) Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu;

b) Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu để nghiên cứu khoa học và thực hiện hoạt động gia công sửa chữa hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”

PHỤ LỤC I

QUY ĐỊNH VỀ TUỔI THIẾT BỊ ĐỐI VỚI MÁY MÓC, THIẾT BỊ THUỘC MỘT SỐ LĨNH VỰC CỤ THỂ

(Kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19 tháng 04 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên lĩnh vực/máy móc, thiết bị	Mã số HS	Tuổi thiết bị (tính theo năm) không vượt quá
1	Lĩnh vực cơ khí		
a	Các loại máy cán lá hoặc máy cán ép phẳng kiểu trục lăn khác, trừ các loại máy dùng để cán, ép kim loại hoặc thủy tinh và các loại trục cán của chúng.	84.20	20
b	Lò thổi, nồi rót, khuôn đúc thổi và máy đúc, dùng trong luyện kim hay đúc kim loại.	84.54	20
c	Máy cán kim loại và trục cán của nó.	84.55	20
d	Máy công cụ để gia công mọi loại vật liệu bằng cách bóc tách vật liệu, bằng các quy trình sử dụng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm photon, siêu âm, phóng điện, điện hóa, chùm tia điện tử, chùm tia i-on hoặc quá trình xử lý plasma hồ quang; máy cắt bằng tia nước.	84.56	20
đ	Trung tâm gia công, máy kết cấu một vị trí và máy nhiều vị trí gia công chuyển dịch để gia công kim loại.	84.57	20
e	Máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) để bóc tách kim loại.	84.58	20
g	Máy công cụ (kể cả đầu gia công tổ hợp có thể di chuyển được) dùng để khoan, doa, phay, ren hoặc ta rô bằng phương pháp bóc tách kim loại, trừ các loại máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) thuộc nhóm 84.58.	84.59	20
h	Máy công cụ dùng để mài bavia, mài sắc, mài nhẵn, mài khôn, mài rà, đánh bóng hoặc bằng cách khác để gia công hoàn thiện kim loại hoặc gốm kim loại bằng các loại đá mài, vật liệu mài hoặc các chất đánh bóng, trừ các loại máy cắt	84.60	20

	răng, mài răng hoặc gia công hoàn thiện bánh răng thuộc nhóm 84.61.		
i	Máy bào, máy bào ngang, máy xọc, máy chuốt, máy cắt bánh răng, mài hoặc máy gia công răng lần cuối, máy cưa, máy cắt đứt và các loại máy công cụ khác gia công bằng cách bóc tách kim loại hoặc gôm kim loại, chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác.	84.61	20
k	Máy công cụ (kể cả máy ép) dùng để gia công kim loại bằng cách rèn, gò hoặc dập khuôn; máy công cụ (kể cả máy ép) để gia công kim loại bằng cách uốn, gấp, kéo thẳng, dát phẳng, cắt xén, đột dập hoặc cắt rãnh hình chữ V; máy ép để gia công kim loại hoặc carbide kim loại chưa được chi tiết ở trên.	84.62	20
l	Máy công cụ khác để gia công kim loại hoặc gôm kim loại, không cần bóc tách vật liệu.	84.63	20
m	Máy và thiết bị cơ khí có chức năng riêng biệt, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác thuộc Chương này.	84.79	20
2	Lĩnh vực sản xuất, chế biến gỗ		
a	Thiết bị dùng để sấy gỗ, bột giấy, giấy hoặc bìa	84.19.32	15
b	Máy công cụ (kể cả máy đóng đinh, đóng ghim, dán hoặc lắp ráp bằng cách khác) dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, plastic cứng hay các vật liệu cứng tương tự	84.65	20
c	Máy ép dùng để sản xuất tấm, ván ép từ xơ sợi hoặc dăm gỗ hay từ các vật liệu bằng gỗ khác và các loại máy khác dùng để xử lý gỗ hoặc lie.	84.79.30	20
3	Lĩnh vực sản xuất giấy và bột giấy		
a	Máy và thiết bị cơ khí	84.39	20
		84.40	
		84.41	

* Cách tính tuổi thiết bị (X): $X = \text{Năm nhập khẩu} - \text{Năm sản xuất}$

Tuổi thiết bị được tính theo năm, không tính theo tháng.

Ví dụ: thiết bị A được sản xuất tháng 01 năm 2008, nhập khẩu về cảng Việt Nam tháng 12 năm 2018.

$$X = 2018 - 2008 = 10 \text{ (năm)}$$

PHỤ LỤC II⁵

(Kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19 tháng 04 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị nhập khẩu máy
móc, thiết bị đã qua sử dụng

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức.....

2. Mã số thuế.....

3. Địa chỉ:.....

4. Số điện thoại/số fax:.....

5. Người đại diện pháp luật (Họ tên/CCCD/Chức vụ):

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:ngày cấp:.....

nơi cấp.....

7. Chúng tôi có nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng như sau:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Giá trị (dự kiến)	Năm sản xuất	Công suất/hiệu suất	Nước sản xuất/xuất xứ	Ghi chú

8. Thời gian dự kiến nhập khẩu:.....

⁵ Mẫu văn bản đề nghị cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng tại Phụ lục II được thay thế bởi Mẫu số 01 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 02/2026/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

9. Giải trình về sự cần thiết phải nhập khẩu máy móc, thiết bị để bảo đảm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, phương án sử dụng và sự cần thiết của máy móc, thiết bị dự kiến nhập khẩu trong dây chuyền công nghệ:

.....

Các tài liệu gửi kèm:

- Chứng thư giám định được cấp bởi tổ chức giám định;

Doanh nghiệp cam kết nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng nêu trên để trực tiếp phục vụ hoạt động sản xuất tại Việt Nam; máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này và tính chính xác của các thông tin cung cấp.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Doanh nghiệp cần cân nhắc ký hợp đồng mua bán sau khi đã đăng ký hồ sơ nhập khẩu và được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận việc nhập khẩu bằng văn bản.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ KHCN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cổng TTĐT của Bộ KHCN (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Đức Long